

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 9 - 2021.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
- ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Minh Tiếp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Ông Phạm Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về thời gian xét xử sơ thẩm số 204/TB-TA ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị , sinh năm 1985 (vắng mặt).

HKTT: Ấp 8, xã Th H, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã VThĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn A, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã ThH, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2002, chị và anh Huỳnh Văn Á do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện. Chị E và anh Á có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ThH, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang ngày 10/9/2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh Á hay nhậu say và đe dọa, vợ chồng thường xuyên cự cãi, hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Văn Tr (giới tính: nam), sinh ngày: 11/6/2003 và cháu Huỳnh Thị Mỹ T (giới tính: nữ), sinh ngày: 20/02/2009. Cháu Tr và cháu T hiện đang sống chung với anh Á.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị E vắng mặt có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ vào lời trình bày và các tài liệu chứng cứ mà chị E đã cung cấp để giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Á vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng anh Á có cung cấp cho tòa án bản tự khai trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh Á không đồng ý ly hôn; Về con chung anh Á yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, chưa yêu cầu chị E cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh Á vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị E và anh Á.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị E, cho ly hôn giữa chị Trần Thị E và anh Huỳnh Văn Á; Về con chung: Giao cháu T cho anh Á tiếp tục nuôi dưỡng, chị E chưa phải cấp dưỡng do anh Á chưa yêu cầu, chị E được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung

không ai có quyền cản trở; Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét; Về án phí buộc chị E phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Trần Thị E khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Huỳnh Văn A. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị E và bị đơn anh Huỳnh Văn A vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị E và anh A nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Đối với quan hệ hôn nhân, chị E và anh A tự nguyện kết hôn vào năm 2002, đến năm 2007 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị E và anh A được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống chị E và anh A phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị E cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh A không thể hàn gắn, chị E không thể tiếp tục sống chung với anh A được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh A. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị E và anh A nhiều lần để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng anh A xin vắng mặt. Qua xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị E và anh A thì chính quyền địa phương không nắm rõ, chỉ thấy họ đã không còn chung sống một nhà, mạnh ai nấy sống, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị E và anh A thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, chị E và A đã ly thân rất lâu từ năm 2017 cho đến nay. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị E và anh A không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị E yêu cầu xin ly hôn với anh A là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị E. Cho chị E và anh A được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Chị E và anh A có 02 con chung tên Huỳnh Văn Tr (giới tính: nam), sinh ngày: 11/6/2003 và cháu Huỳnh Thị Mỹ T (giới tính: nữ), sinh ngày: 20/02/2009. Cháu Tr và cháu T hiện đang sống chung với anh A. Khi ly hôn chị E thống nhất theo nguyện vọng của cháu T. Xét thấy, từ khi chị E và anh A ly thân cho đến nay, cháu T sống chung với anh A, được anh A chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Hơn nữa, cháu T trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống chung với anh A. Anh A cũng có yêu cầu được nuôi cháu T. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu T nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T cho anh A được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị E chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu T do anh A chưa yêu cầu. Chị E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Đối với Huỳnh Văn Tr đã trưởng thành nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị E và anh A khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị E và anh A khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị E phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị E đối với anh Huỳnh Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị E và anh Huỳnh Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Mỹ T (giới tính: nữ), sinh ngày: 20/02/2009 cho anh Huỳnh Văn A tiếp tục nuôi dưỡng. Chị E chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu T do anh A chưa yêu cầu. Chị E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Đối với Huỳnh Văn Tr đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị E và anh A khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị E và anh A khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị E phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị E đã nộp theo lai thu số 0006806 ngày 19/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSND huyện Long Mỹ;
- THADS huyện Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã ThH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Châu Minh Tiếp